

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-04-2022
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Lê Việt Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Đ**, sinh năm 1972;

ĐKHKTT: thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** (tức **Phùng Văn N**), sinh năm 1969;

ĐKHKTT: tổ dân phố .., thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Chị Đ có mặt, anh N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phùng Thị Đ trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau năm 1989, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 25/6/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương được khoảng 03 năm, vì kinh tế khó khăn nên vợ chồng chuyển vào tỉnh Gia Lai làm ăn, sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, chiến tranh lạnh. Tuy vẫn sống cùng nhà nhưng công việc của ai người đó làm, cuộc sống của ai người đó lo, không ai quan tâm đến ai. Chán nản với cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên tháng 6/2021, chị đã bỏ về quê tại thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay, anh N và các con vẫn làm ăn sinh sống trong

tỉnh Gia Lai, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 19/5/1989, Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/11/1994 và Nguyễn Viết N, sinh ngày 24/4/2001. Các con chung của vợ chồng chị đều đã trưởng thành, có cuộc sống gia đình riêng nên Toà án không phải giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản đơn trình bày và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N (tức Phùng Văn N) trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở địa phương một vài năm thì chuyển vào tỉnh Gia Lai làm ăn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hơn 20 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi lộn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn nên từ tháng 06/2021, chị Đ đã bỏ về quê tại xã Q sinh sống, còn anh vẫn làm ăn sinh sống tại tỉnh Gia Lai, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí để giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

+ Về con chung: Vợ chồng có ba con chung như chị Đ đã trình bày là đúng, các con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành, có cuộc sống, gia đình riêng nên Toà án không phải giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do ở xa, công việc bận, anh N xin từ chối hoà giải và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Q, cán bộ tư pháp xã Q và Trưởng thôn A, xã Q được cung cấp: Anh N và chị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã năm 1989. Tại sổ đăng ký và trích lục kết hôn thể hiện Phùng Thị Đ, sinh năm 1970 và anh Phùng Văn N, sinh năm 1968. Tuy nhiên, tại chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh của các con ghi là Phùng Thị Đ, sinh năm 1972 và chồng là Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 là có khác nhau về năm sinh của anh chị và sai họ của anh N. Nguyên nhân của sự việc trên là do thời điểm đi đăng ký kết hôn anh chị nhớ không chính xác, cán bộ đăng ký cũng không kiểm tra các giấy tờ tùy thân nên đã ghi sai năm sinh của anh chị và sai họ của anh N. Tuy nhiên, địa phương xác định chị Phùng Thị Đ, sinh năm 1970 trong giấy kết hôn và chị Phùng Thị Đ, sinh năm 1972 trong chứng minh nhân dân, anh Phùng Văn N, sinh năm 1968 trong giấy đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 trong chứng minh nhân dân đều là một người. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở địa phương một thời

gian thì chuyển vào tỉnh Gia Lai làm ăn, sinh sống. Do anh chị không chung sống ở địa phương nhiều năm nên mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm bắt được, chỉ biết từ tháng 6/2021, chị Đ về địa phương sinh sống, còn anh N không về ở cùng. Nay chị Đ xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án căn cứ đơn của chị Đ và ý kiến của anh N để giải quyết theo quy định của pháp luật cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn N (tức Phùng Văn N); Về con chung, tài sản chung không xem xét, giải quyết. Chị Phùng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ, anh N có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ và đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Đ và anh Nguyễn Văn N (tức Phùng Văn N) kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 25/6/1989. Mặc dù có sự sai sót về năm sinh của chị Đ, anh N và sai họ của anh N so với các giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình. Tuy nhiên chính anh N, chị Đ và chính quyền địa phương xã Q đã thừa nhận và xác định nguyên nhân của sai sót trên là do không kiểm tra kỹ giấy tờ tùy thân và dù chị Đ có năm sinh khác so với chứng minh, anh N có năm sinh và họ khác so với chứng minh nhân dân nhưng đều là một người và là vợ chồng của nhau. Cho đến nay, cả anh N, chị Đ không có ý kiến gì về thời điểm kết hôn chưa đủ tuổi, do đó có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N, chị Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được hơn 20 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Từ tháng 6/2021, chị Đ đã tự bỏ về quê tại thôn A, xã Q sinh sống, anh N vẫn làm ăn, sinh sống tại tỉnh Gia Lai và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn, anh N nhất trí. Như vậy,

đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đ được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 19/5/1989, Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/11/1994 và Nguyễn Viết N, sinh ngày 24/4/2001. Các con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành, có cuộc sống gia đình riêng nên Tòa án không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đ, anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phùng Thị Đ khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn N (tức Phùng Văn N).

2. Về án phí: Chị Phùng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2020/0004371 ngày 07/01/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân